

Số: /2026/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; số 106/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá; số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về Quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày / /2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng

hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bao gồm các hoạt động sản xuất, cấp mã số vùng trồng, cấp giấy chứng nhận phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thực phẩm.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ (từ 5 hộ tham gia trở lên), hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân);

b) Các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh tập trung, được cụ thể hóa bằng kế hoạch hằng năm và kế hoạch 5 năm của tỉnh, xã/phường.

2. Hỗ trợ phải phù hợp với định mức kinh tế kỹ thuật do cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Các đối tượng tại điểm a, khoản 2, điều 1 được hưởng chính sách hỗ trợ phải thực hiện đầy đủ các cam kết và trách nhiệm đã đăng ký, trường hợp vi phạm các cam kết và các nội dung có liên quan phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả số kinh phí đã được hỗ trợ.

4. Trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách khác nhau thì đối tượng hỗ trợ được lựa chọn hưởng một chính sách hỗ trợ phù hợp.

5. Hỗ trợ bằng tiền, sau đầu tư.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, VietGAP và tương đương đối với cây chè, mắc ca, lúa, được liệu, cây ăn quả, dong riềng, rau củ quả

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% giá giống (đối với trồng mới); 70% giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong 03 năm đối với cây trồng lâu năm, 03 vụ liên tiếp đối với cây trồng hàng năm để sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, VietGap và tương đương.

- Điều kiện hỗ trợ: Nằm trong vùng định hướng phát triển của tỉnh, xã; gieo trồng tập trung đảm bảo quy mô tối thiểu 03 ha đối với cây rau củ, quả các loại, được liệu, 05 ha đối với chè, cây ăn quả; 10 ha đối với mắc ca, lúa, dong riềng. Có hợp đồng liên kết và tiêu thụ sản phẩm, thời gian liên kết đảm bảo tối thiểu đủ 3 năm đối với cây trồng hàng năm, 5 năm đối với cây trồng lâu năm.

2. Hỗ trợ chi phí cấp giấy chứng nhận

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 100% chi phí điều tra khảo sát, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, mẫu sản phẩm, chi phí đánh giá chứng nhận. Hỗ trợ một lần tối đa 100 triệu đồng/sản phẩm.

- Điều kiện hỗ trợ: Sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn

Việt Nam về nông nghiệp hữu cơ, VietGAP và tương đương.

3. Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn, hướng dẫn quy trình sản xuất, quy trình quản lý sinh vật gây hại; chi phí kiểm tra, phân tích về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm theo yêu cầu của nước nhập khẩu cho các tổ chức, cá nhân, tối đa không quá 20 triệu đồng/mã số vùng trồng.

- Điều kiện hỗ trợ: Có mã số vùng trồng được cấp có thẩm quyền công nhận. Diện tích tối thiểu của một vùng trồng là 10 ha đối với cây trồng lâu năm, 01 ha đối với cây hàng năm.

4. Hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi lợn (chuồng trại khép kín)

a) Hỗ trợ một lần chi phí xây dựng chuồng trại, mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/m² cho các tổ chức, cá nhân, tối đa không quá 1.000 m²/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở chăn nuôi đạt quy mô trang trại theo quy định hiện hành; thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, có biện pháp kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh thú y, xử lý chất thải chăn nuôi; áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi lợn trang trại quy mô lớn

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị phục vụ chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi có quy mô lớn từ 1.000 Đơn vị vật nuôi (ĐVN) trở lên; mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tỷ đồng/cơ sở.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Có dự án đầu tư chăn nuôi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Đáp ứng yêu cầu về điều kiện của cơ sở chăn nuôi trang trại, quy định tại Điều 55 và Điều 57 Luật Chăn nuôi hoặc và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

- Cơ sở chăn nuôi thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, có biện pháp kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh thú y, xử lý chất thải chăn nuôi; áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

6. Hỗ trợ xây dựng các cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (hỗ trợ chứng nhận lần đầu), mức hỗ trợ 100% chi phí thực hiện thực tế và không vượt quá 80 triệu đồng/01 loại bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh; mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại đáp ứng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và có Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

7. Hỗ trợ phát triển cây sâm Lai Châu

a) Hỗ trợ xây dựng vườn sưu tập giống và xây dựng vườn giống gốc

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác đầu tư xây dựng vườn sưu tập giống, vườn giống gốc Sâm Lai Châu.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 35% chi phí đầu tư, tối đa 500 triệu đồng/vườn. Tối đa 2 vườn.

- Điều kiện hỗ trợ

Địa điểm xây dựng vườn sưu tập giống, vườn giống gốc phải có điều kiện sinh thái phù hợp với Sâm Lai Châu; có diện tích tối thiểu 200 m²; số cây sưu tập, cây giống gốc tối thiểu 200 cây.

Giống cây trồng đảm bảo có nguồn gốc hợp pháp hoặc đã được công nhận; Thời gian lưu giữ giống tối thiểu 5 năm kể từ khi vườn được công nhận.

b) Hỗ trợ cơ sở sản xuất giống

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống Sâm Lai Châu.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 35% chi phí đầu tư, tối đa 1.000 triệu đồng/cơ sở. Tối đa 3 cơ sở.

- Điều kiện hỗ trợ

Có dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống Sâm Lai Châu được cấp có thẩm quyền chấp thuận, quyết định hoặc phê duyệt;

Sử dụng cây giống có nguồn gốc hợp pháp. Tuân thủ quy trình kỹ thuật của cấp có thẩm quyền về gieo, ươm, chăm sóc cây giống. Cung ứng giống ra thị trường tối thiểu 100.000 cây/năm.

c) Hỗ trợ chi phí thuê môi trường rừng

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển Sâm Lai Châu.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí, tối đa 10 năm. Tối đa 30.000 triệu đồng.

- Điều kiện hỗ trợ: Có hợp đồng thuê môi trường rừng đã ký kết theo quy định của pháp luật. Vị trí thuê môi trường rừng thuộc vùng xác lập phát triển Sâm Lai Châu.

d) Hỗ trợ trồng mới

- Đối tượng hỗ trợ: Đơn vị chủ trì dự án, kế hoạch liên kết có trồng mới Sâm Lai Châu có sự tham gia của người dân.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 500 triệu đồng/ha, tối đa 100 ha.

- Điều kiện hỗ trợ

Có dự án, kế hoạch liên kết trồng mới Sâm Lai Châu được phê duyệt, công nhận theo quy định.

Trồng Sâm Lai Châu tại vùng được xác lập phát triển của tỉnh; Sử dụng cây giống có nguồn gốc hợp pháp, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, tỷ lệ cây sống tối thiểu khi nghiệm thu thanh toán phải đạt 85%.

e) Hỗ trợ xây dựng hạ tầng giao thông nội vùng dự án

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư thực hiện dự án trồng, phát triển Sâm Lai Châu.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư, tối đa 1.500 triệu đồng/dự án. Tối đa 7.500 triệu đồng.

- Điều kiện hỗ trợ

Có dự án trồng, phát triển Sâm Lai Châu hoặc dự án, kế hoạch liên kết được chấp thuận hoặc quyết định hoặc phê duyệt theo quy định;

Đường đạt kỹ thuật cấp D trở lên theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 hoặc tương đương.

f) Hỗ trợ phát triển các kênh giới thiệu, phân phối sản phẩm từ Sâm Lai Châu

- Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân phát triển kênh giới thiệu sản phẩm từ Sâm Lai Châu phục vụ việc quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

- Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ 25 triệu đồng/đơn vị để chi phí thiết lập, duy trì Trang thông tin điện tử (website) giới thiệu, quảng bá, kinh doanh sản phẩm;

Hỗ trợ 50 triệu đồng/đơn vị để chi phí tổ chức hoạt động truyền thông, quảng cáo trực tuyến qua các nền tảng mạng xã hội (YouTube, Facebook, Tiktok, Instagram, X (Twitter)).

- Điều kiện hỗ trợ:

Có website, kênh trên các nền tảng mạng xã hội thuộc quyền sở hữu, quản trị đang hoạt động theo quy định của pháp luật, có nội dung chính là giới thiệu, quảng bá, kinh doanh các sản phẩm Sâm Lai Châu hợp pháp;

Có lượt truy cập trung bình tối thiểu 1.000 lượt/tháng trong 12 tháng đối với website; có tối thiểu 1.000 subscribers đối với nền tảng YouTube, 10.000 followers đối với các nền tảng Facebook, Tiktok, Instagram, 5.000 followers đối với nền tảng X (Twitter).

g) Hỗ trợ tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với cây Sâm Lai Châu

- Đối tượng hỗ trợ: Các cộng đồng thôn, bản vùng trồng sâm có tổ chức các hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với cây Sâm Lai Châu.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 50 triệu đồng/cộng đồng/năm để tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch du lịch đã được phê duyệt.

- Điều kiện hỗ trợ: Có phương án, kế hoạch du lịch xây dựng theo hướng dẫn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, được Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại phê duyệt.

8. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Hỗ trợ nhà màng, nhà lưới

- Nội dung hỗ trợ: Khung, màng phủ, lưới chắn và các vật tư khác.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100 nghìn đồng/m², không quá 01 tỷ đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã; không quá 700 triệu đồng/tổ hợp tác, nhóm hộ; không quá 500 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân.

b) Hỗ trợ hệ thống tưới tiên tiến trong nhà màng, nhà lưới

Hỗ trợ một lần 50% kinh phí đầu tư máy móc, vật tư, thiết bị xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tối đa 50 triệu đồng/nhà màng, nhà lưới.

c) Điều kiện hỗ trợ

- Nhà màng, nhà lưới: Làm mới, được xây dựng tập trung, bảo đảm quy mô tối thiểu 1.500 m² đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; 700m² đối với tổ hợp tác, nhóm hộ; 300m² đối với hộ gia đình, cá nhân;

- Hệ thống tưới tiên tiến: Phải được lắp đặt đồng bộ, phù hợp với quy mô nhà màng, nhà lưới.

9. Hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản

a) Hỗ trợ một lần 60% kinh phí đầu tư và không quá 15 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý môi trường, giao thông, điện, nước, nhà kho, nhà xưởng và máy móc thiết bị chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu; sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi và cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trong hàng rào.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; có vùng nguyên liệu ổn định hoặc hợp đồng liên kết sản xuất; hoàn thành các thủ tục theo quy định

- Thiết bị mới 100%, có hóa đơn chứng từ hợp lệ.

- Đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung: Địa điểm phải theo quy hoạch của chính quyền địa phương, kế hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giết mổ tập trung của tỉnh; việc xây dựng và hoạt động phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, thú y, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Đối với cơ sở chế biến, bảo quản Sâm Lai Châu: Cam kết chế biến tối thiểu 70% nguyên liệu Sâm Lai Châu từ tỉnh Lai Châu; Áp dụng tiêu chuẩn GMP - WHO hoặc tương đương.

10. Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP

a) Hỗ trợ và thưởng một lần cho chủ thể lần đầu tham gia Chương trình OCOP có sản phẩm đạt 3 sao trở lên được cấp có thẩm quyền công nhận (Thưởng;

hỗ trợ bao bì, nhãn mác; thuê chuyên gia hoặc đơn vị tư vấn xây dựng hoàn thiện hồ sơ hoặc Chủ thể tự xây dựng và hoàn thiện hồ sơ gồm các nội dung: viết câu chuyện sản phẩm; in, phô tô, công chứng hồ sơ cho Hội đồng đánh giá các cấp; xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm, cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm; truy xuất nguồn gốc và các minh chứng để hoàn thiện hồ sơ).

- Sản phẩm OCOP đạt 3 sao: 40 triệu đồng/sản phẩm;
- Sản phẩm OCOP đạt 4 sao: 60 triệu đồng/sản phẩm;
- Sản phẩm OCOP đạt 5 sao: 130 triệu đồng/sản phẩm;

Trường hợp sản phẩm của chủ thể tham gia nâng cấp được đánh giá, phân hạng năm sau cao hơn năm trước thì các sản phẩm đó được hỗ trợ thêm phần chênh lệch giữa 02 hạng sao cũ và mới.

b) Hỗ trợ một lần, tối đa 60% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm và nhà kho, nhà xưởng, cụ thể theo từng đối tượng như sau:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã: Không quá 500 triệu đồng;
- Tổ hợp tác, nhóm hộ: Không quá 300 triệu đồng;
- Hộ sản xuất kinh doanh: Không quá 200 triệu đồng.

c) Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí xây dựng hoặc thuê điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, cụ thể như sau:

- Đối với các điểm ngoài tỉnh: Không quá 200 triệu đồng/cơ sở.
- Các điểm du lịch, dịch vụ, nơi tập trung dân cư tại các xã, phường: Không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

d) Điều kiện hỗ trợ:

- Các chủ thể có đăng ký tham gia Chương trình OCOP có sản phẩm đạt 3 sao trở lên được cấp có thẩm quyền công nhận (áp dụng đối với tất cả các nội dung hỗ trợ).

- Nội dung hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm và nhà kho, nhà xưởng: Phải đảm bảo phù hợp với quy mô, công suất trong kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc phương án đầu tư sản xuất của cơ sở sản xuất kinh doanh. Máy móc, thiết bị, vật liệu mới 100%, có hóa đơn chứng từ hợp lệ.

- Nội dung hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP: Gian hàng đảm bảo tối thiểu 9m² (tối thiểu bằng gian hàng tiêu chuẩn); bố trí ít nhất 2/3 diện tích gian hàng để trưng bày và bán các sản phẩm OCOP của tỉnh; thời gian hoạt động cam kết tối thiểu: Đối với các điểm ngoài tỉnh là 24 tháng, đối với các xã/phường trong tỉnh là 12 tháng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Chính sách này sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, nguồn vốn

thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thủ tục nghiệm thu và giải ngân kinh phí hỗ trợ

1. Tên hồ sơ: Hồ sơ đề nghị nghiệm thu và giải ngân kinh phí hỗ trợ

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

Bước 1. Lập dự toán: Đối tượng thụ hưởng nộp đơn đăng ký thực hiện chính sách gửi UBND cấp xã.

Bước 2. Đối tượng hỗ trợ nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu và giải ngân kinh phí hỗ trợ đến UBND cấp xã (qua phòng kinh tế/phòng Kinh tế hạ tầng).

Bước 3. UBND cấp xã thành lập Hội đồng nghiệm thu, thực hiện nghiệm thu khối lượng thực hiện và lập Biên bản nghiệm thu.

Bước 4. UBND cấp xã ra quyết định cấp kinh phí hỗ trợ và giải ngân kinh phí hỗ trợ.

3. Cách thức thực hiện

a) Đối tượng thụ hưởng Chính sách nộp đơn đăng ký thực hiện chính sách đến UBND cấp xã để đăng ký nội dung hỗ trợ.

b) Sau khi hoàn thành các hạng mục được hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ có văn bản đề nghị nghiệm thu, giải ngân kinh phí hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để chủ trì tổ chức nghiệm thu.

c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nghiệm thu, UBND cấp xã thành lập Hội đồng nghiệm thu và tổ chức nghiệm thu. Thành phần nghiệm thu gồm: đại diện lãnh đạo UBND cấp xã; Phòng kinh tế (hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng đối với 2 phường), Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và các thành phần khác có liên quan.

d) Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu là căn cứ để giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ. Nội dung biên bản nghiệm thu phải xác định cụ thể khối lượng, giá trị từng hạng mục được nghiệm thu theo dự toán được phê duyệt và kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

e) Căn cứ kết quả nghiệm thu, trong vòng 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cấp kinh phí hỗ trợ.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

Đơn đăng ký thực hiện chính sách (theo mẫu 01; 02 đính kèm); kết quả tự nghiệm thu (nếu có);

Đơn đề nghị hỗ trợ của đối tượng được hỗ trợ (theo mẫu 03; 04 đính kèm)

Quyết định phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ của cấp có thẩm quyền (nếu có).

Báo cáo kết quả triển khai đầu tư kèm theo danh mục chi tiết các hạng mục đã thực hiện theo phê duyệt (nếu có).

Các hồ sơ liên quan đến hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai các nội dung đầu tư, các hóa đơn, giấy chuyển tiền và các hồ sơ liên quan đến nội dung hạng mục, dự án đã đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ, người dân thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

8. Quyết toán: Đơn vị được giao dự toán thực hiện tổng hợp chung kinh phí, lập hồ sơ quyết toán gửi Sở Tài chính tổng hợp trong báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Các doanh nghiệp, hợp tác xã đã mở đường lâm nghiệp trong nội vùng dự án trồng rừng sản xuất trong giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại điểm 5.2 khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025 thì được xem xét, hỗ trợ theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều 3 Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XV Kỳ họp thứ.... thông qua ngày.....tháng.....năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ
- Các Bộ: NN&MT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã/phường;
- Công báo tỉnh, cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Mẫu số 01: Đơn đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030 (áp dụng cho các tổ chức: Doanh nghiệp, hợp tác xã)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ

Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030

(áp dụng cho các tổ chức: Doanh nghiệp, hợp tác xã)

Kính gửi:

- Tên Doanh nghiệp (HTX):.....
- Trụ sở tại:.....
- Điện thoại:Fax.....Email.....
- Giấy phép đăng ký kinh doanh.....
- Người đại diện:.....Chức vụ:.....
- Số CMND/Thẻ căn cước: số... ngày cấp...tháng... năm Nơi cấp.....

Căn cứ Nghị quyết số .../202.../NQ-HĐND ngày .../.../202... của HĐND tỉnh Lai Châu quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030. Doanh nghiệp/HTX... đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ như sau:

STT	Nội dung chính sách	Quy mô	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Liên kết sản xuất, tiêu thụ (nếu có)	Kinh phí đăng ký hỗ trợ	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1							
2						

Doanh nghiệp/HTX... chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu đăng ký, cam kết tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, kỹ thuật theo quy định và thực hiện đúng quyền, trách nhiệm của đối tượng tham gia chính sách./.

.....Ngày.... tháng... năm....

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP/HTX**

Ghi chú:

(1) Nội dung chính sách: Ghi rõ nội dung chính sách đăng ký thực hiện theo chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030. Ví dụ: Hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn, Hỗ trợ thiết lập hồ sơ cấp mã số vùng trồng, hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi...

(2) Quy mô: Quy mô thực hiện tính bằng ha hoặc con....

(3) Địa điểm: Ghi đến địa điểm bản. Ví dụ: Bản Cánh Đăng phường Tân Phong.

(4) Thời gian thực hiện: Ghi thời gian dự kiến từ khi bắt đầu thực hiện đến khi kết thúc.

(5) Ghi rõ thực hiện theo hình thức liên kết hay không liên kết.

(6) Kinh phí đăng ký hỗ trợ tính toán theo quy định của chính sách đề nghị hỗ trợ.

(7) Ghi các nội dung bổ sung, ví dụ: số thửa đất, giấy Chứng nhận QSDĐ

Mẫu số 02: Đơn đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030 (áp dụng cho, tổ hợp tác, nhóm hộ, hộ gia đình, cá nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ

Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030
(áp dụng cho, tổ hợp tác, nhóm hộ, hộ gia đình, cá nhân)

Kính gửi:

- Tên tôi là:.....Nam/nữ.....
- Sinh ngày...tháng.....năm; Dân tộc.....
- Địa chỉ:.....
- Là chủ hộ (hoặc Đại diện cho nhóm hộ/tổ hợp tác/.....)
- Số CMND/Thẻ căn cước: số... ngày cấp...tháng... năm Nơi cấp.....
- Điện thoại: Email.....

Căn cứ Nghị quyết số .../202.../NQ-HĐND ngày .../.../202... của HĐND tỉnh Lai Châu quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030. Tôi/chúng tôi đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ như sau:

STT	Nội dung chính sách	Quy mô	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Liên kết sản xuất, tiêu thụ (nếu có)	Kinh phí đăng ký hỗ trợ	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1							
2						

Tôi/chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu đăng ký, cam kết tổ chức thực hiện chính sách đúng theo các nội dung đã đăng ký, đảm bảo tiến độ, kỹ thuật theo quy định và tuân thủ quyền, trách nhiệm của đối tượng tham gia chính sách. Nếu vi phạm tôi/chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

.....Ngày.... tháng... năm...

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI LÀM ĐƠN

Ghi chú:

(1) Nội dung chính sách: Ghi rõ nội dung chính sách đăng ký thực hiện theo chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030. Ví dụ: Hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn, Hỗ trợ thiết lập hồ sơ cấp mã số vùng trồng, hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi...

(2) Quy mô: Quy mô thực hiện tính bằng ha hoặc con

(3) Địa điểm: Ghi đến địa điểm bản. Ví dụ: Bản Cánh Đăng phường Tân Phong.

(4) Thời gian thực hiện: Ghi thời gian dự kiến từ khi bắt đầu thực hiện đến khi kết thúc.

(5) Ghi rõ thực hiện theo hình thức liên kết hay không liên kết.

(6) Kinh phí đăng ký hỗ trợ tính toán theo quy định của chính sách đề nghị hỗ trợ.

(7) Ghi các nội dung bổ sung, ví dụ: số thửa đất, giấy Chứng nhận QSDĐ

Mẫu số 03: Đơn đề nghị nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030 (áp dụng cho các tổ chức: Doanh nghiệp, hợp tác xã)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ (1) theo Nghị quyết số
..../202.../NQ-HĐND ngày/.../202... của HĐND tỉnh Lai Châu**
(áp dụng cho các tổ chức: Doanh nghiệp, hợp tác xã)

Kính gửi:

- Tên Doanh nghiệp (HTX):.....
- Trụ sở tại:.....
- Điện thoại: Fax..... Email.....
- Giấy phép đăng ký kinh doanh.....
- Người đại diện:.....Chức vụ:.....
- Số CMND/Thẻ căn cước: số... ngày cấp...tháng... năm Nơi cấp.....

Căn cứ Nghị quyết số/202.../NQ-HĐND ngày .../.../202... của HĐND tỉnh Lai Châu quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030. Doanh nghiệp/HTX..... đề nghị được nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí với các nội dung sau:

1. Nội dung đề nghị được nghiệm thu, hỗ trợ

STT	Nội dung chính sách (2)	Địa điểm	Quy mô	Đề nghị nghiệm thu, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện
				Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	...						

2. Số tiền đề nghị được hỗ trợ:.....

Bằng chữ:.....

- Tên người thụ hưởng: số tài khoảntại ngân hàng/Kho bạc... (nếu nhận hỗ trợ theo hình thức chuyển khoản).

Tôi cam kết các nội dung nêu trên là đúng sự thật và tôi chưa nhận hỗ trợ nội dung này theo chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước. Nếu khai sai, tôi sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ.

Hồ sơ kèm theo⁽³⁾:

.....Ngày....tháng...năm....

DOANH NGHIỆP/HTX

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên các chính sách được hỗ trợ

(2) Ghi rõ cụ thể, chi tiết các nội dung được hỗ trợ

(3) Đơn đăng ký thực hiện chính sách; Quyết định phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ của cấp có thẩm quyền (nếu có); Báo cáo kết quả triển khai đầu tư kèm theo danh mục chi tiết các hạng mục đã thực hiện theo phê duyệt (nếu có); Các hồ sơ liên quan đến hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai các nội dung đầu tư, các hóa đơn, giấy chuyển tiền và các hồ sơ liên quan đến nội dung hạng mục, dự án đã đầu tư; Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề nghị nghiệm thu, giải ngân kinh phí hỗ trợ.

Mẫu số 04: Đơn đề nghị nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030 (áp dụng cho tổ hợp tác, nhóm hộ, hộ gia đình, cá nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ (1) theo Nghị quyết số .../202.../NQ-HĐND ngày .../.../202... của HĐND tỉnh Lai Châu
(áp dụng cho tổ hợp tác, nhóm hộ, hộ gia đình, cá nhân)

Kính gửi:

- Tên tôi là:.....Nam/nữ.....
- Sinh ngày...tháng.....năm; Dân tộc.....
- Địa chỉ:.....
- Là chủ hộ (hoặc Đại diện cho nhóm hộ/tổ hợp tác/.....)
- Số CMND/Thẻ căn cước: số... ngày cấp...tháng... năm Nơi cấp.....
- Điện thoại: Email.....

Căn cứ Nghị quyết số .../202.../NQ-HĐND ngày .../.../202... của HĐND tỉnh Lai Châu quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026 – 2030. Tôi/chúng tôi đề nghị được nghiệm thu, hỗ trợ với các nội dung sau:

1. Nội dung đề nghị được nghiệm thu, hỗ trợ

STT	Nội dung chính sách (2)	Địa điểm	Quy mô	Đề nghị nghiệm thu, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện
				Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	...						

2. Số tiền đề nghị được hỗ trợ:.....

Bằng chữ:.....

- Tên người thụ hưởng: số tài khoảntại ngân hàng/Kho bạc... (nếu nhận hỗ trợ theo hình thức chuyển khoản).

Tôi cam kết các nội dung nêu trên là đúng sự thật và tôi chưa nhận hỗ trợ nội dung này theo chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước. Nếu khai sai, tôi sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ.

Hồ sơ kèm theo⁽³⁾:

.....Ngày....tháng...năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên các chính sách được hỗ trợ

(2) Ghi rõ cụ thể, chi tiết các nội dung được hỗ trợ

(3) Đơn đăng ký thực hiện chính sách; Quyết định phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ của cấp có thẩm quyền (nếu có); Báo cáo kết quả triển khai đầu tư kèm theo danh mục chi tiết các hạng mục đã thực hiện theo phê duyệt (nếu có); Các hồ sơ liên quan đến hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai các nội dung đầu tư, các hóa đơn, giấy chuyển tiền và các hồ sơ liên quan đến nội dung hạng mục, dự án đã đầu tư; Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề nghị nghiệm thu, giải ngân kinh phí hỗ trợ.